

Số 228

KINH PHẬT MẪU XUẤT SINH TAM PHÁP TẠNG BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT-ĐA

Hán dịch: Đời Triệu Tống, Tam tạng Pháp sư Thi Hộ.

QUYỂN 1

Phẩm 1: BIẾT RÕ CÁC HÀNH TƯỚNG (Phần 1)

Tôi nghe như vậy:

–Một thời Phật ở tại đỉnh núi Thửu, thuộc thành Vương xá, cùng với chúng đại Bì-sô một ngàn hai trăm năm mươi vị, đều là những bậc A-la-hán, các lậu hoặc đã được đoạn trừ sạch, tâm khéo giải thoát, tuệ khéo giải thoát, như các đại Long vương. Những việc cần làm đã làm xong, trút bỏ gánh nặng, đạt lợi ích lớn, diệt trừ các kết sử, được chánh trí vô ngại, tâm trụ tịch tĩnh hoàn toàn tự tại, chỉ có một vị còn ở hàng phàm phu, là Tôn giả A-nan.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Ông hãy hoan hỷ vì các vị Đại Bồ-tát tùy theo căn cơ ban bố giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất suy nghĩ: “Hiện nay Tôn giả Tu-bồ-đề dùng trí tuệ biện tài của mình giảng thuyết Bát-nhã ba-la-mật-đa cho các Đại Bồ-tát hay là nương vào thần lực và sự gia trì của Phật để thuyết pháp?”

Lúc này, Tôn giả Tu-bồ-đề nhờ vào thần lực của Phật, biết được tâm niệm của Tôn giả Xá-lợi-phất, nên thưa với Tôn giả:

–Tôn giả nên biết, hàng đệ tử Thanh văn của Đức Thế Tôn tu tập theo giáo pháp, hoặc tự mình giảng nói hoặc vì người nói, tất cả đều nhờ vào thần lực của Phật. Vì sao? Vì Phật thuyết pháp, khiến cho những ai tu tập theo giáo pháp ấy đều được chứng đắc tự tánh của các pháp. Khi chứng được rồi thì việc giảng thuyết đều cùng với các pháp không có chỗ trái nghịch. Do vậy, này Xá-lợi-phất! Pháp Phật đã giảng nói đều thuận theo tánh của các pháp. Các hàng thiện nam nên biết như thế.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Phật dạy khiến con tùy theo căn cơ của hàng Đại Bồ-tát mà giảng giải về Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Do những nghĩa nào mà gọi là Bồ-tát? Pháp nào là pháp của Bồ-tát?

Bạch Thế Tôn! Con chẳng thấy pháp nào tên là Bồ-tát, cũng không thấy pháp nào tên là Bát-nhã ba-la-mật-đa. Do những nghĩa này nên Bồ-tát và pháp Bồ-tát đều không

thể có, không thể thấy, không thể nắm bắt. Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không thể có, không thể thấy, không thể nắm bắt. Vậy nay con vì hàng Bồ-tát nào và giảng nói pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa nào?

Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát nghe như vậy rồi nói: Tâm không dao động, không lo, không sợ, cũng không thoái lui. Đây gọi là sự giáo hóa cho Đại Bồ-tát về Bát-nhã ba-la-mật-đa, là sự hiểu biết về Bát-nhã ba-la-mật-đa, là sự an trụ nơi Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bạch Thế Tôn! Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lúc quán tưởng về Bát-nhã ba-la-mật-đa nên học như vậy. Tuy học như vậy, nhưng Bồ-tát ấy không sinh tâm ta đã học như thế. Vì sao? Vì tâm kia chẳng phải là tâm, do tánh của tâm luôn thanh tịnh.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Tại sao tâm kia chẳng phải là tâm?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý của Tôn giả thế nào? Nói tâm chẳng phải là tâm, đối với có, đối với không, có thể nắm bắt được không?

Xá-lợi-phất đáp:

–Không được.

Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nói tâm chẳng phải là tâm, đối với có, không đều không thể nắm bắt được, thế thì nay vì sao thầy lại nói có tâm, chẳng phải là tâm!

Xá-lợi-phất hỏi:

–Sao gọi là chẳng phải tâm?

Tu-bồ-đề nói:

–Tất cả đều không bị hoại diệt, xa lìa tất cả phân biệt, đó gọi là chẳng phải tâm.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền tán thán Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay, Tu-bồ-đề! Đúng như lời Phật dạy, thầy đã an trú nơi hạnh Tam-muội vô tránh, là bậc Tối thắng thứ nhất. Nếu Đại Bồ-tát tu học như thế thì đối với quả vị Chánh đẳng Chánh giác không có thoái chuyển. Nên biết đây là Đại Bồ-tát không rời Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Nếu có người muốn tu học pháp Thanh văn thì nên lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ về pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa và nương vào pháp đó để tu tập. Đó là tu học tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Lại có người muốn cầu học pháp Duyên giác thì nên lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ về pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa và nương vào pháp đó để tu tập. Đó là tu học tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu người muốn tu học pháp Bồ-tát thì nên lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ về pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa và nương vào pháp đó để tu tập. Do thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa này với phương tiện thiện xảo nên tụ hợp đầy đủ với các pháp của Bồ-tát. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa này đã nói rộng về tất cả Pháp tạng của Bồ-tát. Nếu Đại Bồ-tát tu học như thế thì sẽ tương ứng với các pháp của Bồ-tát.

Nếu người muốn tu học pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì nên lắng nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, suy nghĩ về pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa và nương vào pháp đó để tu tập. Do thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa này nên khéo tụ hợp đầy đủ tất cả các pháp của Phật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa này đã nói rộng về tất cả pháp của Bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu Đại Bồ-tát tu học như thế thì sẽ

tương ứng với pháp Vô thượng.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Chỗ nói về Đại Bồ-tát, con không thể thấy, cũng không thể nắm bắt được, vậy Bồ-tát chỉ là danh tự mà thôi.

Bạch Thế Tôn! Danh tự này thì cũng không thể thấy, không thể nắm bắt được; Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng chỉ có danh tự vì không thể thấy, không thể nắm bắt được. Vậy thì nên vì những Bồ-tát nào, giảng nói về những pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa nào? Do ý nghĩa ấy nên con sinh nghi ngờ.

Bạch Thế Tôn! Con ở trong danh tự cầu Đại Bồ-tát hoàn toàn là không thể đạt được. Mà danh tự kia là không trụ xứ, cũng chẳng phải là không trụ xứ; không quyết định cũng chẳng phải là không quyết định.

Vì sao? Vì danh tự kia không có tánh, do đó không trụ xứ, cũng chẳng phải là không trụ xứ, không quyết định cũng chẳng phải là không quyết định. Nếu Đại Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật-đa sâu xa này mà tâm không động, không lo, không sợ, cũng không thoái chuyển, thì nên biết đây là Bồ-tát không rời Bát-nhã ba-la-mật-đa, an trụ nơi quả vị của Bồ-tát không hề thoái chuyển, khéo tương ứng trụ vào vô trụ.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, lúc quán tưởng về Bát-nhã ba-la-mật-đa, không trụ nơi sắc, cũng không trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì trụ nơi sắc tức hành theo nẻo hành của sắc mà không hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa; nếu trụ nơi thọ, tưởng, hành, thức, thì hành theo thọ, tưởng, hành, thức, mà không hành theo Bát-nhã ba-la-mật-đa. Vì sao? Vì trụ nơi các pháp thì không thể thọ nhận Bát-nhã ba-la-mật-đa, không tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể làm viên mãn Bát-nhã ba-la-mật-đa, không thể thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật-đa không thâm nhận nơi sắc; không thâm nhận nơi thọ, tưởng, hành, thức. Nếu không thâm nhận sắc tức chẳng phải là sắc; không thâm nhận thọ, tưởng, hành, thức, tức chẳng phải là thọ, tưởng, hành, thức. Do vậy, nên Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng không có đối tượng được thọ nhận. Đại Bồ-tát nên ở trong pháp không thâm nhận như thế mà tu tập. Đây tức là chánh định tất cả pháp không thâm nhận của Đại Bồ-tát bất định này, rộng lớn viên mãn vô lượng nên không bị các pháp Thanh văn, Duyên giác làm cho hư hoại.

Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí kia không có tướng nên không chấp giữ. Nếu có tướng để có thể chấp giữ, thì Thất-lý-ni-ca, Ba-lý-một-la-nhạ-ca, những người ấy đối với Nhất thiết trí chẳng nên sinh tâm tin tưởng. Vì sao? Vì những người ấy đối với Nhất thiết trí mà sinh tin hiểu, dùng trí tuệ có giới hạn hội nhập pháp như vậy, nên không thọ nhận đối với sắc; không thọ nhận đối với thọ, tưởng, hành, thức. Không dùng pháp hỷ lạc làm đối tượng quan sát của trí tuệ, không dùng nội sắc làm đối tượng quan sát của trí tuệ, không dùng ngoại sắc làm đối tượng quan sát của trí tuệ, cũng không lìa nội ngoại sắc làm đối tượng quan sát của trí tuệ. Như vậy, không dùng nội thọ, tưởng, hành, thức làm đối tượng quan sát của trí tuệ; không dùng ngoại thọ, tưởng, hành, thức làm đối tượng quan sát của trí tuệ; cũng không lìa nội ngoại thọ, tưởng, hành, thức làm đối tượng quan sát của trí tuệ. Mà các vị Thất-lý-ni-ca kia đối với pháp như thế và trí Nhất thiết trí đã phát sinh sự tin hiểu sâu xa tánh của các pháp, nên đạt được giải thoát. Lại ở nơi tất cả pháp không chấp giữ, cũng không chẳng phải là chấp giữ, cho đến Niết-bàn cũng không chấp giữ không chẳng phải

là chấp giữ.

Bạch Thế Tôn! Hành giả tu tập pháp Bồ-tát tuy đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có chấp giữ, nhưng vị ấy chưa đạt được trọn vẹn mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Như Lai, nên cũng không giữa chừng mà chứng đắc Niết-bàn. Vì vậy, bạch Thế Tôn, Đại Bồ-tát phải biết rõ về Bát-nhã ba-la-mật-đa như vậy.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Khi Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa, khi quán tưởng Bát-nhã ba-la-mật-đa, đều làm đúng như thế. Pháp nào là pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa, những tướng nào là Bát-nhã ba-la-mật-đa? Các pháp không có chỗ sinh cũng không có chỗ được, vậy bằng cách nào để có Bát-nhã ba-la-mật-đa? Lúc Bồ-tát quán xét như vậy thì tâm không động, không lo, không sợ, không thoái thất. Nên biết đó là vị Đại Bồ-tát không xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nếu các sắc pháp xa lìa tự tánh sắc; thọ, tưởng, hành, thức xa lìa tự tánh thọ, tưởng, hành, thức; Bát-nhã ba-la-mật-đa lìa tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa; Nhất thiết trí lại lìa tự tánh Bát-nhã ba-la-mật-đa; Bát-nhã ba-la-mật-đa lại lìa tự tánh Nhất thiết trí, Nhất thiết trí lìa tự tánh Nhất thiết trí thì vì sao nói Đại Bồ-tát không rời Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Này Xá-lợi-phất! Đúng như vậy, đúng như vậy! Tất cả các sắc pháp lìa tự tánh các sắc; thọ, tưởng, hành, thức lìa tự tánh thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Nhất thiết trí lìa tự tánh Nhất thiết trí, tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa lìa tự tánh tướng Bát-nhã ba-la-mật-đa, các tướng lìa tự tánh các tướng, vô tánh cũng lìa tự tánh.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất lại nói với Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Đại Bồ-tát học những pháp đó thì có thể thành tựu Nhất thiết trí không?

Tôn giả Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng như vậy, đúng như vậy. Này Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Bồ-tát học như thế thì thành tựu Nhất thiết trí. Vì sao? Vì các pháp không sinh cũng chẳng không sinh, Đại Bồ-tát hiểu rõ và thực hành đúng như thế, sẽ thuận theo và gần gũi Nhất thiết trí, thân tâm và các tướng thanh tịnh, ở nơi nào cũng làm trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, độ khắp các hữu tình được đầy đủ Phật pháp. Đó là Bồ-tát tu tập Bát-nhã ba-la-mật-đa gần gũi Nhất thiết trí.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại nói:

–Nếu có vị Đại Bồ-tát thực hành theo sắc pháp này là hành tướng, hành tướng sắc này là hành tướng, hành sắc sinh này là hành tướng, hành sắc diệt này là hành tướng, hành sắc hoại này là hành tướng, hành sắc không này cũng là hành tướng. Ta thực hành các hạnh cũng là hành tướng. Ta hành hạnh Bồ-tát cũng là hành tướng. Đối với các pháp ta có chỗ đắc cũng là hành tướng, như vậy thực hành thọ, tưởng, hành, thức này cũng là hành tướng; hành tướng thọ, tưởng, hành, thức cũng là hành tướng; sinh thọ, tưởng, hành, thức là hành tướng; mà diệt thọ, tưởng, hành, thức cũng là hành tướng; hoại thọ, tưởng, hành, thức cũng là hành tướng; không thọ, tưởng, hành, thức cũng là hành tướng. Ta làm theo các hạnh ấy cũng là hành tướng, ta thực hành hạnh Bồ-tát cũng là hành tướng, đối với pháp Bồ-tát ta có sở đắc cũng là hành tướng. Suy nghĩ, thực hành như vậy cho đến tên hạnh Bát-nhã ba-la-mật-đa cũng là hành tướng.

Nếu thực hành như thế thì nên biết vị Bồ-tát này chưa đạt được đầy đủ các phương

tiện thiện xảo.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nên hành như thế nào mới gọi là Đại Bồ-tát hành Bát-nhã ba-la-mật-đa?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát không thực hành đối với sắc, không thực hành đối với tướng sắc, không thực hành sắc sinh, không thực hành sắc diệt, không thực hành sắc hoại, không thực hành sắc không, không thực hành ngã hành, không phát khởi ngã hành. Bồ-tát nên thực hành như thế. Không hành thọ, tướng, hành, thức; không hành các tướng thọ, tướng, hành, thức; không phát sinh thọ, tướng, hành, thức; không diệt các thọ, tướng, hành, thức; không hoại các thọ, tướng, hành, thức; không hành không các thọ, tướng, hành, thức; không thực hành ngã hạnh, cũng không phát khởi ngã hành. Bồ-tát thực hành mà không hề khởi niệm, nếu hành như thế mới gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nếu vị Bồ-tát theo đó mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đa thì xưng danh là Đại Bồ-tát.

Vị Bồ-tát kia thực hành như thế nhưng không có niệm là ta đã thực hành, cũng không có niệm ta không thực hành, không niệm ta cũng có hành cũng không hành; không niệm ta chẳng hành, chẳng không hành; lại cũng không niệm có chỗ hành, không niệm không có chỗ hành, không niệm cũng có chỗ hành, cũng không có chỗ hành; không niệm chẳng có chỗ hành, chẳng không có chỗ hành. Vì sao? Vì các pháp không có niệm, không chấp thủ, chẳng không chấp thủ. Đây gọi là chánh định tất cả pháp không thọ nhận của Đại Bồ-tát, nó rộng lớn viên mãn, vô lượng, nên không bị các pháp Thanh văn, Duyên giác làm hoại. Đại định này biến khắp và nhập vào tất cả định. Nếu Đại Bồ-tát thực hành như vậy nó sẽ mau chóng thành tựu Đẳng chánh giác.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề nương oai thần Đức Phật nói:

–Đại Bồ-tát tuy hành vô số đại định nhưng không có hành tướng, tuy thấy vô số đại định nhưng không có chỗ thấy. Bồ-tát ấy cũng không khởi niệm đại định này ta đã nhập, đại định này ta đang nhập, đại định này ta sẽ nhập. Như vậy ở thời nào, chỗ nào, loài chúng sinh nào Đại Bồ-tát cũng đều lia tất cả tướng mà không có chỗ sinh, thì nên biết người thực hành như vậy là Bồ-tát đã được Phật thọ ký quả vị Đẳng chánh giác.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát đối với đại định mà không có hành tướng, nên được Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác thọ ký quả vị Chánh đẳng giác. Vậy đại định này có chỗ quán tưởng không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể được. Vì sao? Vì tánh đại định kia không có chỗ có, lia tất cả sự phân biệt và hiểu biết.

Khi ấy, Đức Thế Tôn tán thán:

–Lành thay, lành thay, này Tu-bồ-đề! Đúng như vậy, chư Phật, Thế Tôn dùng oai thần biện tài và lực gia trì để thuyết giảng như vậy, cho các Đại Bồ-tát theo đó thực hành, tu tập. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát tu học đúng như vậy, chính là tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Tôn giả Xá-lợi-phất liền bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu học như vậy là tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa phải không?

Phật dạy Xá-lợi-phất:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Đúng như thế, Đại Bồ-tát tu học như vậy là tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đó tu học như vậy thì nên học pháp nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát biết rõ các pháp đều không có chỗ có, cũng không có chỗ học, đó là tu học. Vì sao? Vì tất cả pháp đó đều không chỗ có, còn những người phàm phu ngu si chấp trước phân biệt vào pháp không.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có, nay tại sao có các pháp?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Các pháp không có, nay lại có như vậy, thì những người phàm phu ngu si không hiểu được pháp không nên gọi là vô minh, đó là chấp trước vô minh, lấy chấp trước vô minh nên sinh tâm phân biệt, do phân biệt nên rơi vào nhị biên, xoay vần trong các pháp với lớp lớp phân biệt, phát sinh chấp trước. Những phân biệt đó nương vào nhị biên mà sinh chấp trước. Do đó, phân biệt các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai. Do phân biệt nên chấp trước vào danh và sắc.

Xá-lợi-phất! Phàm phu kia không rõ các pháp đều không có tánh sở hữu nên khởi tâm phân biệt, do vậy, đối với đạo chân thật thì không thể biết rõ cũng không thể thấy rõ. Do vậy, không lìa khỏi Tam giới, không an trú, không sinh tín tâm đối với pháp thật tế nên đọa vào hàng phàm phu ngu si.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất lại bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Đại Bồ-tát học như vậy là học Nhất thiết trí phải không?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát học như vậy chẳng phải là học Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát học như vậy cũng là học Nhất thiết trí. Người học như vậy cũng là học tất cả pháp, được thân cận Nhất thiết trí, thành tựu Nhất thiết trí.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như có người huyễn hồi bằng cách nào để tu học Nhất thiết trí? Làm sao thân cận Nhất thiết trí? Làm sao thành tựu Nhất thiết trí? Nếu người kia hỏi như vậy thì con nên trả lời như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Ta nay hỏi, ông tùy ý trả lời.

Tu-bồ-đề thưa:

–Lành thay, Đức Thế Tôn, con rất muốn nghe!

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ thế nào, huyễn có khác sắc, sắc có khác huyễn không? Huyễn có khác thọ, tưởng, hành, thức và thọ, tưởng, hành, thức có khác huyễn không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có khác, khác với huyễn chẳng phải là sắc, khác với sắc chẳng phải là huyễn, huyễn ấy tức là sắc, sắc ấy chính là huyễn. Thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy.

Phật nói:

–Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào? Năm thủ uẩn có phải là Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

–Bạch Thế Tôn, đúng như thế! Bạch Thiện Thệ, đúng như thế!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông nên biết năm uẩn là người huyễn. Vì sao? Sắc là huyễn; thọ, tưởng, hành, thức cũng là huyễn. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức kia chính là sáu căn, năm uẩn, vậy nên Đại Bồ-tát cũng là huyễn. Muốn tu học Bát-nhã ba-la-mật-đa nên học pháp huyễn thì được thành tựu Đẳng chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nếu có hàng Đại thừa Bồ-tát ở ngôi sở trụ mà nghe những lời dạy như vậy thì tâm không còn lo sợ phải không?

Phật dạy Tu-bồ-đề:

–Mới phát tâm học Đại thừa Bồ-tát nếu gần gũi bạn ác, thì nghe pháp này sinh tâm kinh sợ, nhưng gần gũi với bạn lành, nghe pháp này tâm không kinh sợ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi bạn ác của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Nếu ai dạy bảo, làm cho người xa lìa Bát-nhã ba-la-mật-đa đó là bạn ác của Bồ-tát. Vì sao gọi là bạn lành của Bồ-tát? Người đối với pháp Bát-nhã ba-la-mật-đa, tự mình giảng thuyết, giáo hóa người khác, lại vì người khác nói rộng về nghiệp của ma và lỗi của ma, khiến cho mọi người hiểu rõ và lìa xa chúng, lại khuyên mọi người không nên xa lìa chư Phật. Tu-bồ-đề! Nên biết người này mặc áo giáp Đại thừa, an trụ vào Đại thừa và làm trang nghiêm Đại thừa. Đó là bạn lành của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật đã nói: Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa, an trụ và làm trang nghiêm Đại thừa. Bạch Thế Tôn! Nên nói nghĩa nào là nghĩa Bồ-tát?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nên biết chẳng phải cú nghĩa nào là nghĩa của Bồ-tát. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không có chướng ngại, hiểu đúng như thật của các pháp, cho đến Đẳng chánh giác cũng không chướng ngại đều hiểu đúng như thật. Đây gọi là nghĩa Bồ-tát.

Lại nữa, bạch Thế Tôn! Vì sao được gọi là Đại?

Phật dạy:

–Vì vị ấy ở trong hữu tình là bậc Tối thượng do nghĩa này nên gọi là Đại.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng vui mừng muốn giảng nói về nghĩa Đại Bồ-tát.

Phật dạy:

–Nay đã đến lúc, tùy sự hoan hỷ mà thuyết giảng.

Xá-lợi-phất nói:

–Có ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ mạng kiến, nhân kiến, hữu tình kiến, đoạn kiến, thường kiến, thân kiến, ái kiến, xa lìa các kiến ấy rồi thuyết pháp cho chúng sinh, đó là Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng muốn giảng nói về nghĩa Đại Bồ-tát.

Phật dạy:

–Nay đã đúng lúc, ông tùy ý thuyết giảng.

Tu-bồ-đề nói:

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

– Tâm Bồ-đề, tâm Nhất thiết trí, tâm vô lậu, tâm vô đẳng, tâm vô đẳng đẳng đều là tâm vô ngại, không chấp trước nên không bị quả vị Thanh văn, Duyên giác làm hư hoại, do nghĩa này nên gọi là Đại Bồ-tát, do đây nên dự vào hàng Đại Bồ-tát.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Vì sao tâm kia không chướng ngại, không chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

– Do vô tâm nên tâm kia không chướng ngại, không chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Tâm có nghĩa thế nào?

Tu-bồ-đề hỏi lại:

– Thưa Tôn giả! Đối với có, với không, tâm có sinh không? Có chỗ được không?

Xá-lợi-phất đáp:

– Không thể được.

Khi ấy, Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

– Nói tâm đối với có, với không đều không thể được, vì sao lại nói tâm có chỗ để nói.

Tôn giả Xá-lợi-phất tán thán Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Lành thay, lành thay, đúng như lời Phật dạy! Tôn giả hành Tam-muội vô tranh là bậc Tối thắng đệ nhất.

Khi ấy, Tôn giả Mãn Từ Tử nói:

– Bạch Thế Tôn! Con cũng muốn nói nghĩa Đại Bồ-tát.

Phật dạy:

– Nay đã đúng lúc, ông tùy ý giảng thuyết.

Mãn Từ Tử nói:

– Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa, an trụ vào Đại thừa, dùng pháp Đại thừa để trang nghiêm thân, do ý nghĩa này nên gọi là Đại Bồ-tát.

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Thế Tôn! Nói Đại Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa, áo giáp Đại thừa có nghĩa như thế nào?

Phật dạy:

– Đại Bồ-tát khởi lên niệm như vậy: “Ta nên độ vô lượng, vô số chúng sinh, làm cho tất cả vào Niết-bàn, tuy đã độ chúng sinh rồi nhưng đối với chúng sinh không có tưởng đã độ, không có một chúng sinh được vào Niết-bàn. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh vốn như vậy, nên xa lìa tất cả sự tạo tác.”

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật ở nơi ngã tư đường, tự dùng pháp huyền thuật hóa ra nhiều người, sau đó làm họ biến mất đi. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Những người huyền đó có chỗ đến không? Việc đó có thật không, có đi mất, có hoại diệt không?

– Bạch Thế Tôn, không có!

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng như vậy, tuy độ hằng hà sa số chúng sinh vào Niết-bàn, nhưng thật không có chúng sinh được độ. Đại Bồ-tát nghe nói như vậy, không có tâm kinh sợ nên biết đây là Bồ-tát mặc áo giáp Đại thừa, tự trang nghiêm thân.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Như con hiểu lời Thế Tôn đã dạy, các Đại Bồ-tát cũng hiểu rõ ráo như vậy, do chính là tự khoác áo giáp Đại thừa, dũng mãnh, kiên cố, khéo trang

nghiêm thân.

Phật dạy:

–Tu-bồ-đề! Đúng như vậy! Vì sao? Vì Nhất thiết trí chính là pháp vô vi, vô tác, do làm lợi ích chúng sinh nên bày các phương tiện mà chúng sinh kia cũng là vô vi, vô tác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng như lời Phật dạy. Vì sao? Vì sắc không có buộc cũng không có mở; thọ, tưởng, hành, thức không có buộc cũng không có mở. Bạch Đức Thế Tôn! Sắc chân như không buộc cũng không mở; thọ, tưởng, hành, thức chân như không buộc cũng không mở.

Khi ấy, Tôn giả Mãn Từ Tử thưa Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Như Tôn giả đã nói, sắc không buộc cũng không mở; thọ, tưởng, hành, thức không buộc cũng không mở; sắc chân như không buộc cũng không mở; thọ, tưởng, hành, thức chân như không buộc cũng không mở. Trong đó, những gì là sắc không buộc không mở? Những gì là thọ, tưởng, hành, thức không buộc không mở? Những gì là sắc chân như không buộc cũng không mở?

Tu-bồ-đề đáp:

–Thưa Tôn giả Mãn Từ Tử! Tôn giả nay nên biết sắc của người huyễn không buộc không mở; thọ, tưởng, hành, thức người huyễn không buộc không mở; sắc chân như người huyễn không buộc không mở; thọ, tưởng, hành, thức chân như người huyễn không buộc không mở. Vì sao? Không có chỗ có, nên không buộc không mở, vì phân tán nên không có buộc, không có mở, vì không sinh nên không buộc không mở. Đại Bồ-tát biết rõ như vậy tức là đã an trụ vào Đại thừa, mặc áo giáp Đại thừa và trang nghiêm Đại thừa.

Tôn giả Mãn Từ Tử nghe nói như vậy, lặng lẽ an trụ.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Phật đã nói, Đại Bồ-tát an trụ vào Đại thừa, mặc áo giáp Đại thừa, trang nghiêm Đại thừa. Bạch Đức Thế Tôn! Phải do nghĩa này nên gọi là Đại thừa. Bồ-tát vì sao biết được? Và thừa này từ đâu mà có, đã có thì trụ vào chỗ nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại thừa không có hạn lượng, không phần số, không giới hạn, do nghĩa này nên gọi là Đại thừa. Đại Bồ-tát phải hiểu đúng như vậy. Lại nói Đại thừa từ đâu mà có, an trụ vào chỗ nào? Thừa này từ tam giới mà có rồi trụ vào Bát-nhã ba-la-mật-đa. Nó không chấp trước nên trụ vào Nhất thiết trí, cũng từ đây phát sinh Đại Bồ-tát.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Pháp không có xuất cũng không có trụ, do không trụ nên Nhất thiết trí tương ứng với không trụ. Lại nữa, Đại thừa cũng không chỗ có, tức là không có chỗ phát xuất, không phát xuất chính là phát xuất. Vì sao? Vì có chỗ phát xuất, không có chỗ phát xuất đủ cả hai pháp ấy thì không thể được nên không có chỗ sinh. Cho đến trong tất cả pháp, không có pháp có thể phát xuất, cũng chẳng có pháp có thể xuất. Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật-đa của Đại Bồ-tát sinh ra như vậy.

Bấy giờ, Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đúng như lời Phật dạy, pháp Đại thừa kia đối với tất cả Trời, Người, A-tu-la... trong thế gian là pháp tối thắng đồng với hư không. Như hư không kia dung nạp vô lượng, vô số chúng sinh, pháp Đại thừa kia cũng như thế, có khả năng dung nạp vô lượng, vô số chúng sinh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đối với pháp Đại thừa không thấy có đến, không

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thấy có đi, cũng không có trụ xứ. Vị lai cũng không thể có, quá khứ cũng không thể có, hiện tại cũng không thể có, cả ba thời giống nhau đều không có chỗ sinh. Do đó, nên nói nghĩa Đại thừa như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay, đúng như vậy! Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với pháp Đại thừa nên học như vậy, liền thành tựu Nhất thiết trí.

